

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/DS-ST
Ngày: 16-11-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Ngọc Hà

2/ Ông Lê Duy Suốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C: Bà **Nguyễn Thị Thùy Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 565/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng TH mại P

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm L.** Có mặt

Địa chỉ: Số 290 D đường Cách mạng tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố C.

Bị đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị H**

2/ Ông **Lê D.**, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Số 226, đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận B, thành phố C. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Phạm L trình bày:

Ông Lê D, bà Nguyễn Thị H có mua hàng hóa (thiết bị điện, đèn led, quạt) của Công ty TNHH tư vấn xây dựng TH mại P, theo các phiếu giao hàng ngày 18/01/2018 (02 phiếu) và ngày 19/01/2018. Tổng cộng là 41.238.000 đồng. Ông Cường, bà H đã thanh toán được 29.093.000 đồng, còn lại 12.145.000 đồng chưa thanh toán. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu ông Cường, bà H thanh toán hết số tiền 12.145.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng TH mại cổ phần công TH Việt Nam kể từ thời điểm ngày 22/4/2019 ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngày 29/10/2021 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất theo mức suất ngân hàng nhà nước quy định. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê D, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H hoàn trả số tiền 12.145.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên trình bày và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C phát biểu ý kiến:

Về thực hiện pháp luật Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:* Công ty TNHH Tư vấn xây dựng TH mại P (sau đây gọi là Công ty P) và bà Nguyễn Thị H có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa thông qua các Phiếu giao hàng các bên ký nhận. Tuy nhiên, do bà H không thanh toán đủ tiền hàng đã giao nên nguyên đơn Công ty P có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Lê D. Thay đổi yêu cầu khởi kiện tính lãi suất là 0.96%/tháng thành lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty P đối với ông Lê D là trong phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các thủ tục tố tụng nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét giao dịch dân sự*: Căn cứ vào 02 phiếu mua hàng ngày 18/01/2018 và phiếu mua hàng ngày 19/01/2018 bà Nguyễn Thị H ký xác nhận đã mua hàng hóa (thiết bị điện) của Công ty P với tổng số tiền là 41.238.000 đồng. Qua các tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp thì bị đơn bà Nguyễn Thị H đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền 29.093.000 đồng. Tính đến ngày 23/4/2019 bà H còn nợ Công ty P số tiền 12.145.000 đồng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng triệu tập các bị đơn tham phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Nên bị đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với sự vắng mặt của mình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền 12.145.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả nợ gốc số tiền 12.145.000 đồng kể từ ngày 24/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, hợp đồng mua bán giữa các bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền, cũng như điều khoản trả lãi khi chậm thanh toán nghĩa vụ nên căn cứ theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất được tính trong trường hợp này là không quá 10%/năm.

Về thời hạn tính lãi: Tại phiếu giao hàng ngày 18/01/2018 của Công ty P thể hiện: Ngày 23/4/2018 bà Nguyễn Thị H xác nhận còn nợ Công ty P số tiền 16.145.000 đồng, đến ngày 30/5/2018 bà H trả tiếp 2.000.000 đồng, đến ngày 06/6 (không ghi năm) bà H trả tiếp 2.000.000 đồng, còn lại 12.145.000 đồng thì không trả nữa. Tuy nhiên, tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 25/4/2020 của Công ty P ghi nhận tính đến ngày 23/4/2019 bà H còn nợ lại Công ty P số tiền 12.145.000 đồng. Do vậy, Công ty P căn cứ vào mốc thời gian này để tính ngày bà H chậm trả nợ từ ngày 24/4/2019 là có căn cứ. Tính đến phiên tòa hôm nay (ngày 16/11/2021) thì bà

H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 30 tháng 23 ngày, số tiền lãi chậm trả là: 3.113.843 đồng. Như vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[5] *Án phí*: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 322 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Tư vấn xây dựng TH mại P.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Tư vấn xây dựng TH mại P tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/11/2021 là 15.258.843 đồng (Trong đó, nợ gốc: 12.145.000 đồng và lãi chậm trả là 3.113.843 đồng và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị H còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thanh toán xong.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng TH mại P đối với bị đơn Lê D về việc yêu cầu ông Cường liên đới cùng bà Nguyễn Thị H trả tiền cho nguyên đơn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

- Nguyên đơn được nhận lại số tiền 303.625 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 004890 ngày 30/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được

tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, đề yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Quyên